

LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 17

Phẩm 4: **PHÂN BIỆT NGHIỆP** (PHẦN 5)

Trên đã giải thích-các tính chất của mười nghiệp đạo, tiếp theo là phần nói về ý nghĩa của nghiệp đạo.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Thử trung tam duy đạo
Thất nghiệp diệc đạo cố.*

Dịch nghĩa :

*Trong đây ba là đạo
Bảy nghiệp cũng là đạo.*

(Trong số này chỉ có ba loại là đạo. Bảy nghiệp còn lại cũng là đạo).

Luận: Trong mười nghiệp đạo chỉ ba cái sau là đạo. Vì nó là con đường đưa đến nghiệp nên gọi là nghiệp đạo. Nó tương ứng với tư nên gọi là nghiệp. Nó chuyển biến thì tất cả có thể chuyển biến, nó phát khởi hành động thì tất cả có thể hành động. Nó là thế lực trong việc tạo tác. Bảy thứ trước là nghiệp: nghiệp của thân và ngữ. Nó cũng được gọi là đạo vì do tư dắt dẫn, nương theo tư mà có thể dẫn khởi thân nghiệp ngữ, ngữ nghiệp làm cho thân nghiệp, ngữ nghiệp chuyển biến theo cảnh. Vì là con đường đưa đến tạo tác các nghiệp nên gọi là nghiệp đạo. Vì vậy trong đây khi nói nghiệp đạo là nói đủ và rõ ràng “nghiệp đạo và con đường đưa đến tạo tác các nghiệp”. Tuy hai từ này không cùng một loại nhưng chỉ dùng một từ “nghiệp đạo” là bao gồm hết. Đây là cách vẫn thường dùng. Lìa bỏ sự sát sinh v.v... bảy loại và không tham v.v... ba loại trong mười nghiệp đạo thiện cũng giải thích theo cách này.

Hỏi: Tại sao gia hạnh và hậu khởi không được xem là nghiệp đạo?

Đáp: Vì đối với nghiệp căn bản thì gia hạnh đã được hoàn tất, và

hậu khởi thì lại lấy nghiệp căn bản làm gốc. Hơn nữa chỉ có nghiệp đạo là loại thô hiển nhất trong số các hạnh diệu và hạnh ác. Và lại nghiệp đạo chính là các hành động mà khi tăng thêm hoặc giảm bớt đều có ảnh hưởng đến sự tăng giảm của ngoại vật và chúng sinh hữu tình.

Các luận sư Kinh bộ không thừa nhận tư là ý nghiệp, đối với họ, không có ý nghiệp tách rời với tham v.v... Và như vậy thì bộ phái này phải giải thích như thế nào về sự kiện các kinh điển đều gọi tham v.v... là nghiệp đạo? Đây là vấn đề mà Kinh bộ cần có câu trả lời.

Không khó khăn gì để trả lời vấn đề trên. Tham, sân và tà kiến đều là ý nghiệp và chúng cũng là con đường (đạo) của cõi ác, hoặc tham, sân và tà kiến đều làm đường đi cho nhau (hỗ tương thừa), vì tham có thể giúp cho sân và tà kiến chuyển động, và ngược lại sân và tà kiến cũng có khả năng như vậy.

Hỏi: Mười nghiệp đạo bất thiện đều tương vi với các pháp thiện, nhưng đoạn trừ thiện căn là do loại nghiệp đạo nào và điểm khác nhau giữa sự đoạn trừ và tiếp nối các thiện căn là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Duy tà kiến đoạn thiện
Sở đoạn dục sinh đắc
Bát nhân quả nhất thiết
Tiệm đoạn nhị câu xả
Nhân tam châu nam nữ
Kiến hành đoạn phi đắc
Tục thiện nghi hữu kiến
Đốn hiện trừ nghịch giả.*

Dịch nghĩa :

*Tà kiến đoạn trừ thiện căn
Đoạn Dục giới sinh đắc.
Bác bỏ mọi nhân quả
Dần dứt bỏ cả hai
Người ba châu nam, nữ
Kiến hành đoạn phi đắc
Tiếp thiện nghi, hữu kiến
Mau hiện, trừ tội nghịch.*

(Tà kiến đoạn trừ thiện căn đó là các căn sinh đắc ở Dục giới. Tất cả các tà kiến bác bỏ nhân quả v.v... Dần dần làm dứt đoạn thiện căn và cả luật nghi. Chỉ có người của ba châu, nam và nữ người thuộc loại kiến hành làm dứt đoạn thiện căn. Nối tiếp thiện căn cần có nghi, hữu kiến,

như nhanh chóng trừ bệnh tức có khí lực, ngoại trừ tạo tội ngũ nghịch).

Luận: Sự đứt đoạn thiện căn xảy ra là do loại tà kiến thuộc nhóm thứ chín (thượng phẩm).

Hỏi: Nếu cho rằng chỉ có tà kiến làm cho thiện căn đứt đoạn, tại sao Bản luận nói: “Các căn bất thiện thuộc thượng phẩm là gì? Là các căn bất thiện có khả năng đoạn trừ các thiện căn, hoặc là các căn bất thiện được xả bỏ đầu tiên khi đạt được sự xả lìa Dục giới”?. Đoạn văn này cho thấy tham và các căn bất thiện khác làm đứt đoạn các thiện căn.

Đáp: Chỉ có tà kiến làm đứt đoạn thiện căn, nhưng tà kiến lại được dẫn dắt do các căn bất thiện vì thế Bản luận mới gán cho chúng loại hành động vốn chỉ thuộc riêng về tà kiến. Cũng giống như chính ngọn lửa mới đốt cháy ngôi làng nhưng người ta lại nói giặc cướp đốt cháy ngôi làng.

Hỏi: Những thiện căn nào bị đoạn?

Đáp: Đó chỉ là các thiện căn sinh đắc thuộc Dục giới vì một người đoạn thiện căn thì chưa thành tựu các thiện căn thuộc Sắc giới và Vô sắc giới.

Hỏi: Nếu vậy, làm sao giải thích đoạn văn sau đây của luận Thi thiết: “Vì thế mà thiện căn thuộc cả ba giới của kẻ này đã bị đoạn”?

Đáp: Đoạn văn trên chỉ muốn nói vào lúc này thì sự đạt được thiện căn thuộc các giới cao hơn đã trở nên rất xa vời, và sở dĩ như vậy là vì người này trước đây vốn có thể đạt được các thiện căn này nhưng đã không thể làm như vậy (phi bỉ khí) vì các thiện căn Dục giới đã bị đứt đoạn.

Hỏi: Tại sao chỉ đoạn thiện căn sinh đắc?

Đáp: Vì người đoạn thiện căn vốn đã thoái thất các thiện căn đạt được do gia hạnh.

Hỏi: Duyên loại tà kiến nào làm đứt đoạn thiện căn?

Đáp: Đó là sự phủ nhận về nhân: “Không có hạnh diệu, cũng không có hạnh ác”, và sự phủ nhận về quả: “Không có dị thực làm quả báo của hạnh diệu hoặc hạnh ác”.

Có luận sư cho rằng hai loại tà kiến bác bỏ nhân và quả này hỗ trợ cho sự làm đứt đoạn các căn cũng giống như đạo vô gián và đạo giải thoát hỗ trợ cho sự đoạn trừ các phiền não.

Có luận sư lại nói loại tà kiến đoạn thiện căn này chỉ duyên (có nghĩa là chỉ bác bỏ) các pháp hữu lậu, tức khổ và tập đế, mà không duyên các pháp vô lậu, tức diệt và đạo đế, loại tà kiến này cũng chỉ

duyên tự giới, tức nơi con người đang tồn tại chứ không phải Sắc giới và Vô sắc giới. Thật vậy loại tà kiến phủ nhận các pháp vô lậu hoặc duyên các giới cao hơn vốn có lực rất yếu ớt vì nó chỉ liên hệ đến các pháp và các giới này qua sự tương ứng (tùy miên, tùy tăng).

Nhưng các luận sư Tỳ-bà-sa lại cho rằng thiện căn bị làm đứt đoạn vì tất cả các loại tà kiến, tức các tà kiến duyên nhân, duyên quả, duyên pháp vô lậu, duyên pháp hữu lậu, duyên Dục giới, cũng như các giới cao hơn.

Có luận sư nói chín phẩm thiện căn - từ hạ hạ phẩm cho đến thượng thượng phẩm đều bị làm cho đứt đoạn trong cùng một lúc do một sát-na của tà kiến, cũng giống như các phiền não thuộc kiến đoạn (kiến đạo đoạn hoặc) đều bị đoạn trừ toàn bộ do kiến đạo.

Nhưng Tỳ-bà-sa lại cho rằng chỉ có thể làm đứt đoạn dần dần. Các thiện căn bị làm đứt đoạn theo cách giống như các phiền não thuộc tu đoạn (tu đạo đoạn hoặc) được đoạn trừ do tu đạo, có nghĩa là loại thiện căn thượng thượng phẩm bị làm đứt đoạn do loại tà kiến hạ hạ phẩm, cho đến loại thiện căn hạ hạ phẩm thì bị làm đứt đoạn vì loại tà kiến thượng thượng phẩm. Chủ trương này phù hợp với đoạn văn sau đây của Bản luận: “Các thiện căn vi tế câu hành là gì? Là các thiện căn được xả bỏ cuối cùng khi đoạn thiện căn, vì xả bỏ các thiện căn này mà người đó được gọi là “đoạn thiện căn”.

Hỏi: Nếu sự đứt đoạn xảy ra từ từ thì làm thế nào giải thích đoạn văn trước đây của Bản luận: “Các căn bất thiện thuộc thượng phẩm là gì? Là các căn bất thiện có khả năng đoạn trừ các thiện căn”?

Đáp: Đoạn văn trên có ý chỉ cho sự hoàn tất (y cứu cánh mật thuyết) của việc đoạn thiện căn, vì chính do các căn bất thiện thuộc thượng phẩm mà toàn bộ thiện căn bị biến mất. Nếu vẫn còn một chút thiện căn thuộc nhóm cuối cùng (hạ hạ phẩm) vẫn chưa bị đứt đoạn thì chúng nhất định vẫn có khả năng làm hiện khởi các nhóm thiện căn khác.

Có luận sư cho sự đứt đoạn chín phẩm thiện căn xảy ra cùng một lúc và không bị gián đoạn, cũng giống như sự đoạn trừ các phiền não thuộc kiến đạo. Nhưng Tỳ-bà-sa lại nói sự đứt đoạn của thiện căn có khi xảy ra không gián đoạn nhưng cũng có khi phải xảy ra nhiều lần.

Có luận sư nói sự xả bỏ luật nghi xảy ra trước sự đứt đoạn thiện căn, nhưng Tỳ-bà-sa lại nói luật nghi chỉ bị xả bỏ khi thoát thất loại tâm mà luật nghi này là quả của nó.

Hỏi: Những hạng chúng sinh nào có thể làm đứt đoạn thiện căn?

Đáp: Chỉ có loài người mới có thể làm đứt đoạn thiện căn chứ không phải chúng sinh ở các cõi ác cũng không phải cõi Trời. Vì sự phân biệt (tuệ) của các chúng sinh trong cõi ác có thể bị nhiễm ô hoặc không bị nhiễm ô cho nên không có tính chất chắc chắn, còn chúng sinh ở cõi thiện vì đối với họ thì nghiệp quả xuất hiện rất rõ ràng. Tuy nhiên chỉ có ở ba châu chứ không có ở châu Bắc-câu-lô vì con người ở đó không có ý định quá ác.

Có luận sư cho chỉ có con người của châu Nam-thiệm-bộ mới đoạn thiện căn, tuy nhiên chủ trương này đi ngược lại Bản luận. Bản luận có đoạn viết: “Loài người ở châu Nam-thiệm-bộ thành tựu ít nhất là tám căn, và loài người ở hai châu Đông-thắng-thân và Tây-ngư-hóa cũng vậy”.

Có luận sư nói nữ giới không đoạn thiện căn vì ý chí và sự chuyên cần của họ đều trì độn mê muội, tuy nhiên quan điểm này đi ngược lại Bản luận. Bản luận viết: “Người nào thành tựu nữ căn thì chắc chắn phải thành tựu tám căn”, vì thế biết cả nam và nữ giới đều có khả năng làm đứt đoạn thiện căn.

Những người nặng về tình (ái hành giả) không đoạn thiện căn vì ý định của họ có tính chất tháo động. Chỉ có những người nặng về lý (kiến hành giả) mới đoạn thiện căn vì ý định của họ thường ly gián, kiên cố và sâu kín.

Vì những lý do trên, các hạng ái nam, ái nữ (Phiến-đế-ca v.v..) cũng không thể đoạn thiện căn vì họ thuộc loại ái hành và vì sự phân biệt của họ không chắc chắn, cũng giống như chúng sinh ở các cõi ác.

Hỏi: Thế tánh của sự đoạn thiện căn là gì?

Đáp: Chính là phi đắc. Khi sự hoạch đắc các thiện căn không còn sinh khởi trở lại, tức không còn tiếp tục, thì lúc đó sự không hoạch đắc (phi đắc) phát sinh, và khi sự không hoạch đắc phát sinh thì đó là sự đứt đoạn của thiện căn.

Hỏi: Khi đã bị đoạn, làm thế nào thiện căn có thể sinh khởi trở lại?

Đáp: Là nhờ có nghi và có cái thấy về sự hiện hữu của nhân (hữu kiến) v.v... Đây là trường hợp của những người đã đoạn thiện căn nhưng đối với nhân và quả lại có khởi nghi hoặc do thấy được sự hiện hữu của quả, có nghĩa là có chánh kiến. Khi chánh kiến sinh khởi thì người ta nói thiện căn đã sinh khởi trở lại vì sự hoạch đắc các thiện căn này đã xuất hiện kể từ lúc đó. Các căn sinh khởi trở lại trong chín nhóm của chúng nhưng lại hiển lộ dần dần, cũng giống như lấy lại sức khoẻ

trước, rồi sau đó mới dần dần có sức mạnh.

Những người khác đã đoạn thiện căn có thể sinh khởi trở lại thiện căn ngay từ đời này, nhưng người nào đã phạm tội ngũ nghịch (vô gián) mà đoạn thiện căn thì không thể sinh khởi chúng trở lại. Về trường hợp này, kinh có nói: “Kẻ này không thể khởi lại thiện căn ở đời này, tuy nhiên chắc chắn có thể khởi lại thiện căn khi mất ở địa ngục hoặc khi thọ sinh “. Nói “khi thọ sinh” là chỉ cho giai đoạn của trung hữu, và “khi mất” là chỉ cho giai đoạn sắp chết ở địa ngục. Các thiện căn sẽ sinh khởi trở lại khi sắp chết trong trường hợp đã bị đoạn do lực của nhân, và sẽ sinh khởi trở lại khi sắp chết trong trường hợp đã bị đoạn do lực của duyên. Đối với trường hợp đã bị đoạn do tự lực hoặc tha lực thì khi sinh khởi cũng khác nhau như vậy.

Đối với người thuộc “ý lạc hoại”: tức bị thoái thất thiện căn do tà kiến thì họ có thể khởi lại thiện căn ngay trong đời này, nhưng những người thuộc “ý lạc hoại” và cả “gia hạnh hoại”: tức bị thoái thất vì phạm thêm tội vô gián thì họ chỉ có thể khởi lại thiện căn sau khi thân này đã bị hoại. Đây là một sự biến đổi của những gì đã được nói đến ở trên: “Những người làm đứt đoạn thiện căn do tự lực và tha lực.... Sự khác biệt này cũng xảy ra đối với trường hợp bị đứt đoạn do tà kiến (kiến hoại) và trường hợp vừa bị kiến hoại vừa bị giới hoại (tức bị đứt đoạn vì phạm thêm tội vô gián). Đây cũng là một sự biến đổi của trường hợp đi liền ngay trước đó.

Có thể có trường hợp đã đoạn thiện căn nhưng không thể nguyện đánh mất. Có bốn trường hợp: 1. Bồ-thích-nã v.v... và năm luận sư khác, 2. Vi Sinh Oán v.v... 3. Thiên-thọ v.v... 4. Những người không đoạn thiện căn và không phạm tội vô gián.

Người có tà kiến nếu đoạn thiện căn tức đọa địa ngục Vô gián, người phạm tội vô gián thì đọa địa ngục Vô gián hoặc các địa ngục khác.

Hỏi: Tư là căn nguyên của hai nghiệp đạo thiện ác nhưng tư có thể cùng chuyển với bao nhiêu loại nghiệp đạo trong số đó?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nghiệp đạo tư câu chuyển
Bất thiện nhất chí bát
Thiện tổng khai chí thập
Biệt già nhất bát ngũ.*

Dịch nghĩa :

Nghiệp đạo, tư cùng chuyển

Bất thiện: một đến tám

Tổng các thiện có mười.

Riêng già: một, tám, năm.

(Tư cùng chuyển với nghiệp đạo. Nếu bất thiện thì có từ một đến tám nghiệp đạo. Nếu thiện thì có mười nghiệp đạo. Nhưng không cùng chuyển với một, tám, năm nghiệp đạo).

Luận: 1. Trường hợp nghiệp đạo thuộc loại bất thiện:

Tư cùng chuyển với một nghiệp đạo là khi có tham, sân, hoặc tà kiến hiện khởi nhưng không có một loại nghiệp thuộc sắc nào xảy ra, hoặc khi một người đã có chuẩn bị trước (tiên gia hạnh tạo) một trong các sắc nghiệp nhưng lại có tâm không nhiễm ô (thiện hoặc vô ký) vào lúc chỉ vì nông nổi mà phạm phải nghiệp đạo này.

Tư cùng chuyển với hai nghiệp đạo là khi một người khởi tâm sân mà giết hại, khi một người vì tham mà trộm cắp, hoặc phạm tà dâm, hoặc nói lời tạp nhạp như bản (Ý ngữ).

Tư cùng chuyển với ba nghiệp đạo là khi một người vì tâm sân hận mà giết hại và trộm cắp trong cùng một lúc.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao trước đây nói tội trộm cắp chỉ được tạo thành do tham?

Đáp: Nói như vậy là để chỉ cho trường hợp tạo thành tội trộm cắp ở những người chỉ nghĩ đến việc trộm cắp.

Một trường hợp khác trong đó tư cũng chuyển cùng với ba nghiệp đạo là khi có tham dẫn khởi vào lúc sai sử người khác phạm hai nghiệp đạo thuộc sắc.

Tư cùng chuyển với bốn nghiệp đạo là khi vì muốn chia rẽ mà nói lời dối trá hoặc lời thô ác, tức sẽ có một nghiệp đạo thuộc về ý và ba nghiệp đạo thuộc về ngữ, hoặc khởi tâm tham v.v... vào lúc tạo tác ba nghiệp đạo thuộc sắc.

Tư cùng chuyển với năm, sáu, bảy nghiệp đạo là khi tâm khởi tham v.v... vào lúc tạo tác bốn, năm, sáu nghiệp đạo.

Tư cùng chuyển với tám nghiệp đạo là khi đã có gia hạnh của sáu nghiệp đạo giết hại v.v... và vào lúc tạo tác sáu nghiệp đạo này lại khởi tham mà phạm tội tà dâm.

Tư không cùng chuyển với chín hoặc mười nghiệp đạo vì tham, sân và tà kiến không khởi cùng thời.

2. Trường hợp nghiệp đạo thuộc thiện:

Nói chung, tư có thể cùng chuyển với mười nghiệp đạo thiện, nhưng tư không cùng chuyển với một, tám hoặc năm nghiệp đạo.

Tư cùng chuyển với hai nghiệp đạo là khi một người đang nhập định Vô sắc, Tận trí và Vô sinh trí hiện tiền tức cả năm thức đều thuộc tánh thiện, vì thế có hai nghiệp đạo là vô tham và vô sân.

Tư cùng chuyển với ba nghiệp đạo là khi ý thức tương ứng với chánh kiến và không có bảy nghiệp đạo thiện thuộc sắc.

Tư cùng chuyển với bốn nghiệp đạo là khi có tâm bất thiện hoặc vô ký nhưng lại được luật nghi Cận sự hoặc luật nghi Cận sách có bốn nghiệp đạo thiện thuộc sắc là không giết hại v.v...

Tư cùng chuyển với sáu nghiệp đạo là khi được các luật nghi nói trên với năm thức thuộc thiện, tức có bốn nghiệp đạo thiện thuộc sắc, một nghiệp đạo vô tham, và một nghiệp đạo vô sân.

Tư cùng chuyển với bảy nghiệp đạo là khi được các luật nghi nói trên với ý thức thuộc thiện và có thêm chánh kiến, hoặc khi có tâm bất thiện hoặc vô ký nhưng lại được luật nghi Bí-sô, tức chỉ có bảy nghiệp đạo hoàn toàn thuộc sắc.

Tư cùng chuyển với chín nghiệp đạo là khi được luật nghi Bí-sô với năm thức thân thuộc thiện nhưng không có chánh kiến, khi đạt được luật nghi Bí-sô vào lúc thành tựu Tận trí hoặc Vô sinh trí trong khi nhập định Vô sắc (Đây là trường hợp của hai nghiệp đạo ở trên, cộng thêm bảy nghiệp đạo thuộc luật nghi không phải là vô biểu), khi đang nhập vào một loại định thuộc tính lự mà thành tựu Tận trí hoặc Vô sinh trí hiện tiền tương ứng với ý thức, tức không có chánh kiến mà có bảy nghiệp đạo thuộc sắc cùng hiện hữu vì chúng là một phần của luật nghi tính lự.

Tư cùng chuyển với mười nghiệp đạo là khi được luật nghi Bí-sô với ý thức thuộc thiện, ngoại trừ trường hợp của Tận trí và Vô sinh trí, tức là trường hợp của tất cả các tư cùng khởi với luật nghi tính lự và với luật nghi vô lậu khi mà loại tư này không tương ứng với Tận trí hoặc Vô sinh trí.

Trên đây đã giải thích với những điều kiện nào mà tư cùng chuyển với các nghiệp thiện đạo thuộc về luật nghi. Nếu chỉ xét đến các nghiệp đạo không thuộc về luật nghi thì cũng có thể cùng chuyển với một nghiệp đạo, năm nghiệp đạo, tám nghiệp đạo khi: 1. Lìa bỏ được một tội và có một tâm khác với tâm phát khởi sự lìa bỏ này, tức là loại tâm nhiễm ô hoặc vô ký; 2. Lìa bỏ được hai tội và có ý thức thuộc thiện: ý thức thiện này có ba ý nghiệp, cộng thêm hai sắc nghiệp tức là sự lìa bỏ này; 3. Lìa bỏ được năm tội trong những điều kiện giống như ở trên.

Hỏi: Nghiệp đạo nào chỉ được thành tựu và nghiệp đạo nào vừa

thành tựu vừa hiện hành?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Bất thiện địa ngục trung
Thô tạp sân thông nhị
Tham tà kiến thành tựu
Bắc châu thành hậu tam
Tạp ngữ thông hiện thành
Dư dục thập thông nhị
Thiện u nhất thiết xứ
Hậu tam thông hiện thành
Vô sắc Vô tưởng thiên
Tiền thất duy thành tựu
Dư xứ thông thành hiện
Trừ địa ngục Bắc châu.*

Dịch nghĩa :

*Trong địa ngục : bất thiện.
Thô tạp, sân, cả hai.
Tạo thành tham, tà kiến.
Bắc thành tham, tà kiến.
Bắc châu tạo ba sau
Tạp ngữ thông hiện, thành
Các Dục mười thông hai
Thiện trong tất cả xứ
Ba sau thông hiện, thành
Trời, Vô Sắc, vô tưởng
Chỉ thành tựu bảy trước
Các xứ thông thành hiện
Trừ địa ngục, Bắc châu.*

(Ở địa ngục là cõi nẻo bất thiện. Lời nói thô ác, tạp nhạp và sân có cả hai cách. Tham và tà kiến chỉ có tạo thành. Bắc châu tạo thành ba nghiệp đạo cuối. Tạp ược ngữ có cả hiện thành. Ở nơi khác của Dục giới lại có cả hiện hành. Thiện ở tất cả các nơi ba nghiệp thiện cuối vừa hiện hành vừa tạo thành. Chúng sinh Vô sắc và vô tưởng chỉ thành tựu bảy nghiệp thiện đạo ở trước. Những chúng sinh khác vừa tạo thành vừa hiện hành, ngoại trừ địa ngục và Bắc châu).

Luận: Trong mười nghiệp đạo bất thiện có ba nghiệp đạo ở địa ngục vừa tạo thành vừa hiện hành là: 1. Lời nói tạp nhạp vì chúng sinh ở địa ngục thường kêu than; 2. Lời nói thô ác vì họ thường chửi mắng

nhau; 3. Sân hận vì tâm địa của họ vốn tàn nhẫn vô tình nên thường oán ghét nhau.

Chúng sinh ở địa ngục tạo thành tham và tà kiến, nhưng hai nghiệp đạo này không thật sự hiện hành vì ở đó không có các cảnh khả ái (đáng yêu thích) được họ chấp trước, hơn nữa, nghiệp quả vốn đã hiển lộ.

Ở địa ngục không có nghiệp giết hại vì chúng sinh ở đó chết là do nghiệp đã hết, không có nghiệp trộm cắp và tà dâm vì không có riêng tài vật và nữ nhân, không nói dối vì vô dụng, không nói lời độc ác ly gián vì vô dụng và thường ly tán.

Tham, sân và tà kiến tồn tại ở châu Bắc Câu-lô với nghĩa chúng sinh ở đó có tạo thành ba loại nghiệp đạo này nhưng, thật ra, không có hiện hành tham ở đó vì không có sở hữu riêng, cũng không có sân hiện hành vì tâm địa hiền hòa, vì không có những sự việc gây phiền não, cũng không có hiện hành tà kiến vì không có ác ý. Riêng nghiệp đạo nói tạp nhạp (ỷ ngữ) thì vừa tạo thành vừa hiện hành vì chúng sinh ở đó thường ca hát với tâm nhiệm ô.

Vì không có ác ý, vì thọ lượng có giới hạn rõ ràng, vì không sở hữu riêng tài vật cũng như phụ nữ, và vì vô dụng nên không có sự giết hại và các nghiệp đạo tương ứng với chúng.

Hỏi: Nếu chúng sinh ở châu Bắc Câu-lô không có riêng phụ nữ thì họ giao hợp với nhau như thế nào?

Đáp: Khi muốn hưởng lạc với một phụ nữ nào đó thì họ kéo tay người này đến một gốc cây. Nếu phụ nữ này là người mà họ được phép hành dâm thì các cành cây sẽ rủ xuống để che phủ họ, nếu không được phép thì các cành cây sẽ không che phủ họ.

Ở những nơi khác của Dục giới, tức trừ địa ngục và châu Bắc Câu-lô ra, đều có mười nghiệp đạo tạo thành và hiện hành, nhưng có sai biệt.

Đối với bàng sinh, quỷ và chư thiên, các nghiệp đạo bất thiện không gồm thân bất luật nghi, nhưng đối với con người thì có thể thuộc về hoặc không gồm thân về bất luật nghi.

Hỏi: Ở cõi trời có nghiệp đạo giết hại không?

Đáp: Chư thiên không giết hại nhau nhưng vẫn có trường hợp họ giết hại chúng sinh thuộc các thú khác như quỷ v.v... Có thuyết cho chư thiên cũng giết hại nhau bằng cách chặt đầu hoặc chặt ngang lưng.

Các nghiệp đạo thiện vô tham, vô sân và chánh kiến đều thành tựu và hiện hành ở năm thú trong tam giới (trừ địa ngục).

Chúng sinh Vô sắc giới và Vô tưởng chỉ thành tựu nhưng không

hiện hành bảy nghiệp đạo thiện thuộc sắc, tức các nghiệp đạo thuộc thân và ngữ. Thánh giả hữu tình sinh vào Vô sắc giới thành tựu luật nghi hoặc luật nghi vô lậu thuộc quá khứ và vị lai, chúng sinh Vô tưởng cũng thành tựu luật nghi tinh lự trong các điều kiện như vậy.

Luật nghi vô lậu quá khứ được thành tựu do Thánh giả tái sinh vào Vô sắc giới có chỗ dựa là một tầng thiên hoặc các tầng thiên mà Thánh giả đã phát khởi hoặc hủy diệt, nhưng luật nghi vô lậu vị lai lại lấy tất cả năm địa làm chỗ dựa, tức Dục giới và bốn tầng thiên.

Những chúng sinh khác, tức ở các giới và các thú khác ngoại trừ địa ngục và châu Bắc Câu-lô, vừa thành tựu vừa hiện hành bảy nghiệp đạo thiện. Chúng sinh ở địa ngục và châu Bắc Câu-lô không có luật nghi. Ở những nơi khác cả bảy nghiệp đạo thiện thuộc sắc đều hiện hành.

Ở đây có điểm khác biệt: đối với bàng sinh và quỷ, các nghiệp đạo thiện không bao giờ thuộc về luật nghi, nhưng ở Sắc giới thì lại gồm thân luật nghi, ở những nơi khác các nghiệp đạo thiện có thể thuộc về một loại này hoặc một loại khác.

Hỏi: Các nghiệp đạo thiện và bất thiện đắc quả như thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Giai năng chiêu dị thực
Đẳng lưu tăng thượng quả
Thử linh tha thọ khổ
Đoạn mạng hoại uy cố.*

Dịch nghĩa :

*Đều cảm quả dị thực,
Đẳng lưu và tăng thượng
Khiến người khác chịu khổ
Vì đoạn mạng, hại uy.*

(Tất cả đều có khả năng chiêu cảm quả dị thực. Đẳng lưu, và tăng thượng, vì (nghiệp giết hại) làm người khác đau khổ, làm đoạn thọ mạng, và hủy hoại uy lực).

Luận: Các nghiệp đạo thiện hoặc bất thiện đều chiêu cảm ba loại quả là dị thực, đẳng lưu và tăng thượng.

1. Do thực hiện, tài bồi, phát triển mỗi một nghiệp đạo bất thiện mà người tạo tội phải tái sinh vào địa ngục, đó là loại quả báo (dị thực).

2. Nếu người tạo tội tái sinh vào cõi người (nhân đồng phần) vì tội giết hại thì thọ lượng sẽ giảm sút lại, nếu vì trộm cắp sẽ chịu nghèo

khổ, nếu vì tà dục sẽ gặp người vợ không trung thành, nếu vì nói dối sẽ bị người khác phỉ báng, nếu vì nói lời ly gián thì bạn bè của mình sẽ trở thành kẻ đối nghịch, nếu vì nói lời thô ác thì chỉ nghe toàn chuyện không vừa ý, nếu nói lời tạp nhạp thì người khác sẽ không tin lời của mình, nếu vì tham lam thì lòng tham sẽ lớn, nếu vì sân hận thì sân sẽ lớn, nếu vì tà kiến thì sẽ bị ngu si vì ngu si là loại lớn nhất trong các tà kiến, đó là loại quả đặng lưu.

Hỏi: Mặc dù thọ lượng bị giảm sút nhưng tái sinh vào cõi người vẫn là quả báo của một nghiệp thiện. Như vậy làm sao có thể xem đó là quả đặng lưu của nghiệp giết hại?

Đáp: Chúng tôi không nói đời sống của con người là quả của nghiệp giết hại mà chỉ nói người tạo nghiệp giết hại sẽ có thọ lượng ngắn lại vì tạo tác loại nghiệp này: sự giết hại là nguyên nhân làm giảm sút thọ lượng của con người nhưng thọ lượng này vẫn là quả của một nghiệp thiện.

3. Vì sự giết hại mà các sự vật hỗ trợ mạng sống ở bên ngoài, (trở sinh cụ) như cây, đất v.v... đều có sức sống rất yếu ớt, vì sự trộm cắp mà chúng bị hư hại vì mưa đá, bụi bặm hoặc các chất ăn mòn, vì tà dâm mà chúng bị phủ đầy bụi bặm hoặc các chất ăn mòn, vì nói dối mà chúng có mùi hôi, vì nói lời ly gián mà chúng phải ở những chỗ lồi lõm, vì nói lời thô ác mà chúng ngấm đầy muối và cặn cỗi nếu đó là đất, hoặc rất khó coi và độc hại nếu đó là cây cối, vì nói lời tạp nhạp mà các mùa bị xáo trộn, vì tham lam mà quả bị nhỏ, vì sân hận mà quả bị chua, vì tà kiến mà có ít quả hoặc không có quả, đó là loại quả tăng thượng.

Hỏi: Có phải vì nghiệp giết hại mà người tạo tội tái sinh vào địa ngục và rồi sau đó chỉ có một thọ lượng ngắn ngủi ở cõi người?

Đáp: Có luận sư cho chính vì nghiệp giết hại. Sự hiện hữu ở địa ngục là quả dị thực và sự giảm sút của thọ lượng là quả đặng lưu của nghiệp giết hại. Có luận sư lại cho sự hiện hữu ở địa ngục xuất phát từ gia hạnh của nghiệp giết hại, và sự giảm sút thọ mạng là do nghiệp căn bản. Thật ra, kinh có nói nghiệp giết hại là nhân của một đời sống ở địa ngục, nhưng khi nói như vậy, kinh không chỉ nói đến một mình hành động giết hại mà còn muốn nói đến một loạt các hành động đi kèm theo hành động giết hại (căn bản quyến thuộc). Trong trường hợp này, những gì được gọi là quả đặng lưu không hiện hữu tách rời với quả dị thực và quả tăng thượng. Sở dĩ chỉ gọi là đặng lưu vì có sự tương tự giữa nhân và quả (tức giết hại thì có thọ lượng ngắn ngủi, trộm cắp thì nghèo nàn v.v...).

Hỏi: Tại sao mười nghiệp đạo này đều chiêu cảm ba loại quả?

Đáp: Những ai phạm tội giết hại đều làm đau khổ kẻ mà họ sắp giết, làm cho kẻ đó phải chết, và hủy hoại uy lực của kẻ đó. Vì làm đau khổ nên có quả dị thực là phải thọ khổ ở địa ngục, vì làm người khác phải chết nên có quả đẳng lưu là thọ lượng giảm ngắn lại, vì hủy hoại uy lực nên có quả tăng thượng là các sự vật ở ngoài có rất ít khí lực. Các nghiệp đạo bất thiện khác cũng như vậy.

Các nghiệp thiện đạo cũng có ba loại quả như trên, nhờ việc lìa bỏ sự giết hại được thực hiện, tô bồi và phát triển mà người ta tái sinh vào các cõi trời, nếu phải trở lại làm người thì sẽ có thọ lượng lâu dài. Đối với tất cả các nghiệp thiện thì cả ba loại quả đều trái ngược với quả của các nghiệp đạo bất thiện.

Hỏi: Trong tám chi bất thiện Đức Thế Tôn đã phân biệt các nghiệp thuộc sắc thành ba loại là tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng. Như vậy có phải tà mạng tách rời với tà ngữ và tà nghiệp?

Đáp: Không tách rời nhau.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Tham sinh thân ngữ nghiệp
Tà mạng nan trừ cố
Chấp mạng tư tham sinh
Vi kinh cố phi lý.*

Dịch nghĩa :

*Tham sinh, thân ngữ nghiệp
Thành tà mạng khó trừ
Chấp mạng do tham sinh
Phi lý, trái với Kinh.*

(Vì thân ngữ nghiệp do tham sinh khởi tạo thành tà mạng rất khó đoạn trừ. Nếu chấp tà mạng phát sinh do tham lam tư cụ thì phi lý vì trái với kinh).

Luận: Thân nghiệp và ngữ nghiệp sinh khởi từ sân và si nên được gọi là tà nghiệp và tà ngữ., và vì cũng sinh khởi từ tham nên chúng tạo thành tà mạng. Sở dĩ phân biệt như vậy là vì tà mạng rất khó được làm cho thanh tịnh.

Tham vốn là kẻ cướp: người ta rất khó bảo vệ được tâm của các nghiệp do tham phát khởi. Vì muốn đê tử, chúng sinh cần trọng tu hành theo chánh mạng nên Đức Thế Tôn đã lập tà mạng thành một loại riêng. Có bài tụng viết: “Kẻ phạm tục rất khó giữ cho ý tưởng của mình được thanh tịnh vì luôn luôn làm mỗi cho nhiều ý tưởng khác nhau, người tu

hành thì rất khó giữ cho cách sống của mình được thanh tịnh vì cơm áo của mình đều phụ thuộc vào người khác”.

Nếu có người nghĩ những việc làm như ca hát, nhảy múa v.v... chỉ cốt để tự vui chứ không phải là tà mạng vì tà mạng chỉ bao hàm những thân nghiệp và ngữ nghiệp nào được phát khởi do lòng tham đối với các cách thể sinh nhai thì chúng tôi sẽ trả lời là không phải như vậy. Trong kinh Giới Uẩn, Đức Thế Tôn đã dạy việc đi xem đấu voi v.v... cũng là tà mạng, vì đó chính là sự vui hưởng giả tạo kéo dài mạng sống.

Hỏi: Trước đây có nói đến năm loại quả là tăng thượng, sĩ dụng, đấng lưu, dị thực, ly hệ. Như vậy những loại nghiệp nào có những loại quả nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đoạn đạo hữu lậu nghiệp
Cụ túc hữu ngữ quả
Vô lậu nghiệp hữu tứ
Vị duy trừ dị thực
Dư hữu lậu thiện ác
Diệt tứ trừ ly hệ
Dư vô lậu vô ký
Tam trừ tiền sở trừ.*

Dịch nghĩa:

*Đoạn đạo: nghiệp hữu lậu
Đầy đủ có năm quả
Nghiệp vô lậu có bốn,
Là chỉ trừ dị thực
Các hữu lậu thiện ác
Cũng bốn, trừ ly hệ
Các vô lậu vô ký
Ba. trừ trước đã trừ.*

(Nghiệp hữu lậu thuộc đoạn đạo có đủ năm loại quả. Nghiệp vô lậu có bốn loại tức chỉ trừ dị thực. Các nghiệp hữu lậu thiện hoặc ác khác cũng có bốn, tức chỉ trừ Ly hệ. Các nghiệp vô lậu và vô ký khác có ba loại, tức trừ hai loại trên).

Luận: Sở dĩ gọi là đoạn đạo vì đó là con đường có khả năng đoạn trừ hoặc vì các phiền não đều được đoạn trừ nhờ con đường này. Con đường này cũng còn được gọi là vô gián đạo, nhưng sẽ được giải thích ở phần sau. Gồm có hai loại là vô lậu và hữu lậu.

Loại nghiệp tạo thành một phần của đoạn đạo hữu lậu có đủ năm

loại quả: 1. Quả dị thực là quả báo đáng ưa thuộc cùng một địa với nghiệp; 2. Quả đẳng lưu là các pháp sinh từ định, tương tự với nghiệp, thuộc giai đoạn về sau; 3. Quả ly hệ là sự lìa bỏ các phiền não, là sự đoạn trừ các phiền não, chứng đạt trạch diệt vô vi; 4. Quả sử dụng là các pháp mà loại nghiệp này đã sinh khởi, tức là: (a) đạo giải thoát, (b) các pháp cùng hiện hữu (câu hữu), (c) các pháp vị lai được tạo thành nhờ vào loại nghiệp này, và (d) chính sự đoạn trừ; 5. Quả tăng thượng là tất cả các pháp hữu vi ngoại trừ chính loại nghiệp này, ngoại trừ các pháp đã sinh.

Loại nghiệp tạo thành một phần của đoạn đạo vô lậu có bốn loại quả, tức chỉ trừ quả dị thực.

Loại nghiệp hữu lậu thiện hoặc bất thiện, không tạo thành một phần của đoạn đạo, cũng có bốn loại quả, tức chỉ trừ quả ly hệ.

Các nghiệp vô lậu còn lại: tức các nghiệp vô lậu không thuộc về đoạn đạo mà chỉ tạo thành một phần của các đạo gia hạnh, giải thoát, thăng tiến không có quả ly hệ vì loại nghiệp này không phải là nhân của sự đoạn trừ, cũng không có quả dị thực vì đây là nghiệp vô lậu.

Hai loại quả này cũng không có đối với nghiệp vô ký nhiễm ô hoặc không nhiễm ô.

Hỏi: Quả của các loại nghiệp khác nhau có những tính chất nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Thiện đẳng ưu thiện đẳng

Sơ hữu tứ nhị tam

Trung hữu nhị tam tứ

Hậu nhị tam tam quả.

Dịch nghĩa:

Thiện, bất thiện vô ký

Đầu có bốn, hai, ba

Giữa có hai, ba, bốn.

Sau: hai, ba, ba quả.

(Các pháp thiện, bất thiện, vô ký tạo thành bốn, hai, ba loại quả của nghiệp thiện, tạo thành hai, ba, bốn loại quả của nghiệp bất thiện tạo thành hai, ba, ba loại quả của nghiệp vô ký).

Luận: 1. Các pháp thiện, bất thiện, vô ký, tạo thành bốn loại quả, hai loại quả, ba loại quả của nghiệp thiện:

Các quả đẳng lưu, ly hệ, sử dụng và tăng thượng của loại nghiệp thiện là các pháp thiện. Quả dị thực vốn thuộc tánh vô ký.

Các quả sử dụng và tăng thượng của loại nghiệp thiện là các pháp

bất thiện.

Quả đẳng lưu của một nghiệp thiện nhất định thuộc thiện, quả ly hệ vốn thuộc tánh thiện.

Các quả dị thực, sĩ dụng và tăng thượng của loại nghiệp thiện là các pháp vô ký.

2. Các pháp thiện, bất thiện, vô ký, theo thứ tự này, tạo thành hai loại quả, ba loại quả, bốn loại quả của nghiệp bất thiện:

Hai quả sĩ dụng và tăng thượng của loại nghiệp bất thiện là các pháp thiện.

Ba quả: tức loại trừ quả dị thực và ly hệ là các pháp bất thiện.

Bốn quả: tức loại trừ quả ly hệ là các pháp vô ký.

Như vậy người ta thừa nhận rằng quả đẳng lưu của các pháp bất thiện có thể được tạo thành vì các pháp vô ký. Và điều này xảy ra như thế nào? Hai pháp vô ký, tức hữu thân kiến và biên chấp kiến, đều là quả đẳng lưu của các pháp bất thiện: đó là các phiền não biến hành được đoạn trừ nhờ thấy được khổ và nguồn gốc của nó (kiến khổ tập sở đoạn), và các phiền não thuộc nhóm tham ái v.v... được đoạn trừ nhờ thấy được khổ (kiến khổ sở đoạn).

3. Các pháp thiện, bất thiện, vô ký tạo thành hai loại quả, ba loại quả của nghiệp vô ký.

Hai quả sĩ dụng và tăng thượng là các pháp thiện.

Ba quả: tức loại trừ dị thực và ly hệ là các pháp bất thiện. Các pháp bất thiện của cả năm phẩm, được đoạn trừ do sự nhìn thấy sự thật về khổ (kiến khổ đế sở đoạn) v.v... đều là quả đẳng lưu của nghiệp vô ký là hữu thân kiến và biên chấp kiến.

Ba quả: giống như trên, thuộc vô ký.

Trên đây là ba tánh của các quả, tiếp theo là phần nói về các đời, các địa v.v...

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Quá ư tam các tứ
Hiện ư vị diệt nhĩ
Hiện ư hiện nhị quả
Vị ư vị quả tam.*

Dịch nghĩa:

*Quá trong ba đều bốn.
Hiện trong vị cũng vậy
Hiện trong hiện: hai quả
Vị trong vị: ba quả.*

(Các pháp quá hiện vị lai tạo thành bốn loại quả của nghiệp quá khứ. Các pháp vị lai tạo thành bốn loại quả của nghiệp hiện tại. Các pháp hiện tại tạo thành hai loại quả của nghiệp hiện tại. Các pháp vị lai tạo thành ba loại quả của nghiệp vị lai).

Luận: Tất cả các pháp hoặc các pháp thuộc tất cả các loại, tức thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai, đều có thể tạo thành bốn loại quả của nghiệp quá khứ. Như vậy, sẽ không có quả ly hệ vì quả này nằm ngoài thời gian.

Loại nghiệp ở giữa, tức hiện tại, có bốn loại quả: tức loại trừ quả ly hệ đều là các pháp vị lai.

Các pháp hiện tại là quả tăng thượng và sử dụng của nghiệp ở giữa.

Đối với loại nghiệp vẫn còn chưa sinh thì có ba loại quả được tạo thành do các pháp vị lai, đó là quả dị thực, tăng thượng và sử dụng. Nghiệp vị lai không có quả đẳng lưu.

Tụng nêu: (Âm Hán)

Đồng địa hữu tứ quả

Dị địa nhị hoặc tam.

Dịch nghĩa:

Đồng địa có bốn quả

Khác địa hai hoặc ba

(Các pháp cùng địa tạo thành bốn loại quả. Các pháp thuộc một địa khác tạo thành ba hoặc hai quả).

Luận: Một nghiệp thuộc một địa nào đó sinh khởi bốn loại quả: tức loại trừ quả ly hệ và các quả này đều là các pháp ở cùng địa với nghiệp.

Các pháp vô lậu thuộc về một địa khác với địa của nghiệp tạo thành ba quả của nghiệp này là sử dụng, tăng thượng và đẳng lưu.

Các pháp hữu lậu thuộc về một địa khác với địa của nghiệp tạo thành hai quả sử dụng và tăng thượng của chính nghiệp này.

Tụng nêu: (Âm Hán)

Học ư tam các tam

Vô học nhất tam nhị

Phi Học phi Vô học

Hữu nhị nhị ngũ quả.

Dịch nghĩa:

Học, trong ba đều ba

Vô học một, ba hai.

Phi học, phi Vô học

Hữu: hai, hai năm quả.

(Các pháp Hữu học v.v... tạo thành ba loại quả của nghiệp Hữu học tạo thành một loại quả, ba loại quả, hai loại quả của nghiệp Vô học tạo thành hai loại quả, hai loại quả, năm loại quả của nghiệp phi học phi Vô học).

Luận: 1. Các pháp “thuộc hàng Thánh giả không phải là A-la-hán” (Hữu học) tạo thành các quả đẳng lưu, sĩ dụng và tăng thượng của loại nghiệp Hữu học.

Các pháp “thuộc hàng Thánh giả A-la-hán” cũng như vậy.

Các pháp phi Hữu học phi Vô học tạo thành quả sĩ dụng, tăng thượng và ly hệ của nghiệp Hữu học.

2. Các pháp Hữu học v.v... tạo thành một quả, ba quả, hai quả của nghiệp Vô học.

Các pháp Hữu học là quả tăng thượng của loại nghiệp này.

Các pháp Vô học là quả tăng thượng, đẳng lưu và sĩ dụng của loại nghiệp này.

Các pháp phi Hữu học phi Vô học là quả tăng thượng và sĩ dụng của loại nghiệp này.

3. Các pháp Hữu học v.v... tạo thành hai loại quả, hai loại quả, năm loại quả của loại nghiệp khác với hai loại trên, tức là loại nghiệp phi Hữu học phi Vô học.

Các pháp Hữu học và các pháp Vô học là quả sĩ dụng và tăng thượng của loại nghiệp này.

Các pháp phi Hữu học phi Vô học là năm quả của loại nghiệp này.

Tụng nêu: (Âm Hán)

Kiến sở đoạn nghiệp đẳng

Nhất nhất các ư tam

Sơ hữu tam tứ nhất

Trung nhị tứ tam quả

Hậu hữu nhất nhị tứ

Giai như thứ ứng tri.

Dịch nghĩa:

Các nghiệp thuộc Kiến đoạn

Mỗi mỗi đều có ba.

Đầu có ba, bốn, một.

Giữa hai, bốn, ba quả

*Cuối có một hai bốn
Theo thứ tự nên biết.*

(Các nghiệp thuộc kiến đoạn v.v... mỗi nghiệp đều có ba loại pháp thuộc kiến đoạn v.v... làm quả. Loại nghiệp đầu có ba, bốn, một quả. Loại nghiệp giữa có hai, bốn, ba quả. Loại nghiệp cuối có một, hai, bốn quả. Nên biết tất cả đều theo thứ tự này).

Luận: 1. Các pháp có thể được đoạn trừ do kiến đạo (kiến đạo đoạn), các pháp có thể được đoạn trừ do tu đạo (tu đạo đoạn), các pháp không thể được đoạn trừ (phi đoạn), tạo thành ba quả, hai quả, một quả của loại nghiệp có thể được đoạn trừ do kiến đạo (kiến đạo đoạn nghiệp).

Các pháp thuộc kiến đoạn là ba quả tăng thượng, sử dụng và đăng lưu của nghiệp thuộc kiến đoạn.

Các pháp thuộc tu đoạn là bốn quả của loại nghiệp này, tức loại trừ quả ly hệ.

Các pháp thuộc phi đoạn là quả tăng thượng của loại nghiệp này.

2. Các pháp trên tạo thành hai quả, bốn quả, ba quả của loại nghiệp được đoạn trừ do tu đạo (tu đạo đoạn nghiệp).

Các pháp thuộc kiến đoạn là hai quả sử dụng và tăng thượng của nghiệp thuộc tu đoạn.

Các pháp thuộc tu đoạn là bốn quả của nghiệp này, tức loại trừ quả ly hệ.

Các pháp thuộc phi đoạn là ba quả sử dụng, tăng thượng và ly hệ của nghiệp này.

3. Các pháp trên tạo thành, theo thứ tự, một quả, hai quả, bốn quả của loại nghiệp không thể đoạn trừ (phi sở đoạn nghiệp).

Các pháp thuộc kiến đoạn là quả tăng thượng của nghiệp thuộc phi đoạn.

Các pháp thuộc tu đoạn là hai quả tăng thượng và sử dụng của nghiệp này.

Các pháp thuộc phi đoạn là bốn quả của nghiệp này, tức loại trừ quả dị thực.

Khi nói “theo thứ tự” (như thứ) là tụng văn có ý chỉ cho tất cả các trường hợp, và đây là một cách dùng tóm lược.

Trong phần trình bày về nghiệp này, nhân tiện đưa ra câu hỏi: Bản luận có nói đến loại nghiệp nên làm, loại nghiệp không nên làm, loại nghiệp không phải nên làm cũng không phải không nên làm, như vậy ba loại này có nghĩa là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nhiễm nghiệp bất ưng tác
Hữu thuyết diệc hoại qui
Ứng tác nghiệp phiên thử
Câu tương vi đệ tam.*

Dịch nghĩa:

*Nghiệp nhiễm không nên làm.
Là nghiệp phá qui tắc
Nghiệp nên làm thì khác
Trái với loại thứ ba.*

(Nghiệp nhiễm không nên làm. Có thuyết nói cũng là nghiệp phá hoại quy tắc. Trái lại là nghiệp nên làm. Khác với hai loại trên là loại nghiệp thứ ba).

Luận: Có thuyết cho nghiệp không nên làm là loại nghiệp nhiễm ô vì loại này xuất phát từ sự xét đoán sai lạc. Có thuyết lại cho loại nghiệp bất chính cũng là nghiệp không nên làm: khi một người đi, đứng, ăn, mặc không theo cách nên làm thì các nghiệp này, mặc dù có tính chất bất nhiễm và vô ký, vẫn thuộc loại nghiệp không nên làm vì người này đang hành động đi ngược lại các cách thức thông thường.

Trái với loại nghiệp trên là nghiệp nên làm, tức là các nghiệp thiện hoặc vừa thiện vừa hợp qui tắc. Nghiệp khác với loại nên làm và không nên làm là loại nghiệp phi-ưng-tác-phi-bất-ưng-tác.

Hỏi: Một nghiệp dẫn khởi một đời sống hay nhiều đời sống? Nhiều nghiệp dẫn khởi một đời sống hay nhiều đời sống?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nhất nghiệp dẫn nhất sinh
Đa nghiệp năng viên mãn.*

Dịch nghĩa:

*Một nghiệp dẫn một sinh
Nhiều nghiệp thành đầy đủ.*

(Một nghiệp dẫn khởi một đời sống. Nhiều nghiệp có khả năng làm hoàn mãn).

Luận: Theo tông phái chúng tôi thì một nghiệp chỉ dẫn khởi một đời sống. Ở đây khi nói “đời sống” (sinh) không có ý chỉ cho sự sinh ra mà là một sự tồn tại (đồng phần). Một người khi đạt được sự tồn tại này thì được gọi là “đời sống”:

1. Một nghiệp chỉ có thể dẫn khởi một đời sống chứ không thể dẫn khởi nhiều đời sống.

Kinh bộ: Chủ trương này trái với những gì Tôn giả Vô Diệt đã nói: “Nhờ vào quả báo (dị thực) của sự bố thí này sau khi đã sinh đến bảy lần ở cõi trời ba mươi ba (Đao Lợi), cuối cùng ta đã được sinh vào dòng họ Thích-ca-giàu có”.

Giải thích: Tôn giả đã trở thành một nhà đại phú quý là nhờ vào sự bố thí này, mà sau đó còn đạt được sự nhớ lại nhiều đời sống trước đó (tức sinh trí), và đã tạo được nhiều phước đức mới. Nhưng khi nói như vậy là Tôn giả có ý chỉ cho nỗ lực lúc ban đầu, cũng giống như trường hợp một người lúc đầu chỉ có được một đồng tiền nhưng nhờ buôn bán mà có được một ngàn đồng nên mới nói: “Chỉ nhờ một đồng mà tôi đã có được gia tài như thế này”.

Lại có giải thích nói Tôn giả Vô Diệt, nhờ sự bố thí của mình, đã khởi được nhiều tư tâm sở, và mỗi một tâm sở này đều chiêu cảm một quả.

2. Nhiều nghiệp không thể cùng dẫn khởi một đời sống, vì nếu như vậy thì sự tồn tại trong đời sống (chúng đồng phần) sẽ trở thành manh mún chi ly sai biệt. Tuy nhiên một đời sống, mặc dù chỉ được dẫn khởi do một nghiệp, nhưng lại được làm cho viên mãn do nhiều nghiệp. Cũng giống như họa sư, lúc đầu chỉ phác thảo các đường nét của một bức tranh, rồi sau đó mới tô điểm toàn bộ, trong trường hợp của con người cũng vậy: mặc dù đều có phẩm tánh làm người như nhau nhưng có người lại có đủ các căn, các chi, các bộ phận, có người lại có khí sắc, sức lực, hình dạng rất trang nghiêm trong khi có người lại thiếu mất cái này hoặc cái kia.

Thật ra không chỉ có nghiệp mới có khả năng dẫn khởi một đời sống mà tất cả các pháp có chiêu cảm quả báo (hữu dị thực) cũng có khả năng này.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Nhị vô tâm định đắc
Bất năng dẫn dư thông.*

Dịch nghĩa:

*Hai vô tâm định đắc
Đều không thể dẫn khởi.*

(Hai loại định Vô tâm và các pháp đắc không có khả năng dẫn khởi.)

Luận: Mặc dù thuộc loại “hữu dị thực” nhưng hai loại định Vô tâm không có khả năng dẫn khởi vì chúng không cùng hiện hữu (phi câu hữu) với nghiệp. Các pháp đắc cũng không thể dẫn khởi vì chúng không

có chung một quả với loại nghiệp mà chúng cùng hiện hữu.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có ba loại trọng chướng là chướng nghiệp, chướng phiền não và chướng dị thực (báo chướng). Như vậy, ba loại chướng này là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Tam chướng vô gián nghiệp

Cập số hành phiền não

Tịnh nhất thiết ác thú

Bắc châu Vô tướng thiên.

Dịch nghĩa:

Hai vô tâm định đặc

Đều không thể dẫn khởi.

(Ba loại chướng này là các nghiệp vô gián. Các phiền não thường khởi tất cả các cõi ác. Bắc châu, và Vô tướng thiên).

Luận: Loại trọng chướng bao gồm các nghiệp, tức năm tội vô gián là giết mẹ, giết cha, giết A-la-hán, ly gián chúng Tăng, có ác tâm làm thân Như Lai chảy máu.

Loại trọng chướng bao gồm các phiền não, tức các phiền não thường khởi. Phiền não có hai loại là loại thường khởi (số hành) và loại hung mãnh: phiền não thường khởi là phiền não liên tục sinh khởi, phiền não hung mãnh là phiền não thuộc thượng phẩm. Loại phiền não thường khởi tạo thành trọng chướng như trong trường hợp của hoạn quan v.v... Loại phiền não thỉnh thoảng mới phát khởi và dù sự phát khởi của nó rất mãnh liệt nhưng vẫn có thể ngăn chặn, chứ không giống như loại phiền não thường khởi mặc dù chúng yếu kém hơn. Người nào có loại phiền não thường khởi này mà không tìm cách ngăn chặn thì từ chỗ yếu kém (hạ phẩm) chúng sẽ trở nên mạnh dần (trung phẩm) cho đến lúc trở nên rất mạnh (thượng phẩm) mà làm thành chướng ngại.

Loại trọng chướng bao gồm quả báo (dị thực), tức ba đường ác: địa ngục, bàng sinh, quỷ và một phần cõi thiện là làm người ở châu Bắc-câu-lô và làm trời ở Vô tướng thiên.

Hỏi: Chướng là gì?

Đáp: Là các pháp làm chướng ngại Thánh đạo và chướng ngại các thiện căn chuẩn bị cho Thánh đạo (Thánh đạo gia hạnh thiện căn).

Vấn nạn: Ngoài các tội vô gián ra, lẽ ra cũng phải kể đến các loại nghiệp khác làm chướng ngại (Thánh đạo), tức là các nghiệp nhất định chiêu cảm cõi ác v.v... nhất định dẫn khởi các trường hợp noãn sinh, thấp sinh, sinh làm nữ nhân, tám loại sinh.

Giải thích: Ở đây chỉ nói đến các nghiệp có thể được người khác cũng như bản thân người tạo tác dễ dàng nhận ra từ năm điểm. Trong số này có bao hàm các tội vô gián là giết hại, nói dối và gia hạnh của nghiệp giết hại, quả của loại nghiệp này là khổ, loại cõi mà nghiệp chiêu cảm là địa ngục, thời gian mà quả dị thực được chiêu cảm chính là đời sống kế tiếp, bản thân người tạo nghiệp phải chịu mang tên là kẻ giết cha v.v...: từ năm điểm này, loại nghiệp tạo tội vô gián rất dễ dàng được nhận biết.

Trong số các chương ngại thì chương ngại lớn nhất là chương ngại của phiền não, và kế tiếp là chương ngại của nghiệp. Vì hai loại chương ngại này ngăn chặn sự giải thoát, không chỉ trong đời hiện tại mà cả trong đời kế tiếp. Theo Tỳ-bà-sa chương phiền não là loại lớn nhất vì nó dẫn sinh chương nghiệp, và chương nghiệp lại nặng hơn chương dị thực vì nó dẫn sinh loại chương ngại thứ ba này.

Hỏi: Vô gián có nghĩa là gì?

Đáp: Năm tội vô gián được gọi tên như vậy vì chúng là loại không thể được “vượt qua”, có nghĩa là về mặt trả báo chúng không bị cản trở do các nghiệp khác lẽ ra phải có quả báo trong đời kế tiếp (vô gián cách). Hoặc vì ngay sau đời sống này, người phạm tội vô gián phải tái sinh lập tức vào địa ngục và vì thế mới có tên là vô gián. Như vậy người ta đã gọi tên một pháp là vô gián khi người phạm tội vô gián thực hành pháp này, cũng giống như gọi tên một pháp là Sa-môn vì pháp này làm cho một người nào đó trở thành một vị Sa-môn.

Hỏi: Ba loại trọng chương này có ở những nơi nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tam châu hữu vô gián
Phi dư phiến trĩ đẳng
Thiểu ân thiểu tu sĩ
Dư chương thông ngũ thú.*

Dịch nghĩa:

*Ba châu có vô gián
Chẳng phải nơi nào khác
Ít hơn, ít hổ thẹn
Chương khác đủ năm cõi.*

(Ba châu có tội vô gián. Chứ không phải hoạn quan v.v... vì họ có ít ân huệ và kính trọng. Hai loại chương còn lại đều có ở năm cõi).

Luận: Ngoài những lý do khiến cho hoạn quan v.v... không phạm bất luật nghi như đã được trình bày trước đây, trong trường hợp này còn

vì những người làm cha làm mẹ của họ đã tạo ra cho họ một thân thể khuyết tật (vì bị khuyết thân tăng thượng duyên) và chỉ dành cho họ cảm tình ít, mỏng (ư bỉ thiếu ái niệm) cho nên chính những bậc cha mẹ này cũng là những người có rất ít ân huệ đối với họ, mặt khác còn vì hoạn quan v.v... cũng không có sự tôn kính tuyệt đối (hỗ thẹn tâm vi) đối với cha mẹ mình, một sự tôn kính mà nếu hủy hoại nó sẽ khiến cho hoạn quan v.v... trở thành kẻ phạm tội vô gián.

Cũng cùng những lý do như trên, loài quý và bàng sinh nếu phạm tội giết hại cha mẹ thì cũng không phải là kẻ phạm tội vô gián. Tuy nhiên Đại đức nói những con vật nào có sự hiểu biết rõ ràng (giác phân minh), như loài ngựa thông tuệ, cũng vẫn phạm tội vô gián.

Cũng cùng những lý do như trên, những người nào có cha mẹ thuộc loài phi nhân cũng không phạm tội vô gián nếu giết hại cha mẹ mình.

Sự hiện hữu ở châu Bắc-câu-lô là báo chướng đối với cõi người, và sự hiện hữu ở trời Vô tướng là báo chướng đối với cõi trời.

